|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****TỈNH TRÀ VINH****--------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |
| Số: /2022/NQ-HĐND | *Trà Vinh, ngày tháng 6 năm 2022* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Về quy định chính sách hỗ trợ đất ở cho hộ nghèo giai đoạn 2022-2025 trên**

**địa bàn tỉnh Trà Vinh (ngoài đối tượng theo Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg**

**ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ)**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

**KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn năm 2021;*

*Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Tỉnh ủy Trà Vinh về công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030;*

*Xét Tờ trình số …../TTr-UBND ngày ….tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Quy định về chính sách hỗ trợ đất ở cho hộ nghèo giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.**Quy định chính sách hỗ trợ đất ở cho hộ nghèo giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (ngoài đối tượng theo Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ), cụ thể như sau:

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ đất ở cho hộ nghèo giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (ngoài đối tượng theo Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ).

**2. Đối tượng hỗ trợ**

- Hộ nghèo được xác định theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ.

- Có hộ khẩu thường trú tại tại địa phương từ 05 năm trở lên, được công nhận là hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ và được UBND cấp xã quản lý xác nhận tại thời điểm điều tra xác định hộ được hưởng chính sách mà chưa có đất ở, đời sống khó khăn và chưa được hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước về đất ở.

**3. Chính sách hỗ trợ**

***a) Mức giao diện tích đất ở***: Căn cứ hạn mức đất ở, điều kiện quỹ đất và nguồn tài chính hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định mức giao diện tích đất ở cho hộ nghèo phù hợp với điều kiện, tập quán ở địa phương và phù hợp với pháp luật đất đai; diện tích giao tối thiểu từ **70** m2/hộ đối với khu vực nông thôn và tối thiểu từ **36** m2/hộ đối với khu vực đô thị (phường, thị trấn).

 ***b) Mức hỗ trợ:*** Ngân sách tỉnh hỗ trợ **80 triệu** đồng/hộ đối với địa bàn thành phố, thị xã và **60 triệu** đồng/hộ đối với địa bàn huyện còn lại. Trường hợp mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh không đủ để tạo 01 suất đất/hộ thì địa phương (huyện, xã) bố trí vốn đối ứng phần chênh lệch theo phương thức xã hội hóa (vận động từ các nguồn hợp pháp khác hoặc đối tượng được hỗ trợ đóng góp thêm).

**4. Nguồn kinh phí thực hiện:**

- Ngân sách tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ đất ở cho hộ nghèo giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh vào dự toán hàng năm theo Luật Ngân sách Nhà nước.

- Nguồn xã hội hóa (*vận động từ các nguồn hợp pháp khác hoặc đối tượng được hỗ trợ đóng góp thêm*) giai đoạn 2022-2025.

**5. Nguyên tắc và phương thức thực hiện:**

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh hướng dẫn và tổ chức thực hiện cụ thể.

**Điều 2.**Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp thứ 4 thông qua ngày .../…/2022 và có hiệu lực kể từ ngày …./…/2022./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - UBTVQH; Chính phủ;- Bộ: TN&MT; TC;- TT.TU, UBND tỉnh;- Đoàn ĐBQH tỉnh;- Đại biểu HĐND tỉnh;- UBMTTQ tỉnh;- Các Sở, ngành tỉnh: TN&MT; KH&ĐT; Tài chính; Cục Thuế; Cục Thống kê;- TT. HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;- Văn phòng: HĐND; UBND tỉnh;- Lưu: VT, HĐND.  | **CHỦ TỊCH****Kim Ngọc Thái** |